

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

Môn học : [22825101] - PLC (CCQ2214A)

CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt: 17...

Số bài thi: 17...

Số tờ giấy thi:

Nguyễn Việt Khoa
Nguyễn Việt Khoa
Nguyễn Việt Khoa
Nguyễn Việt Khoa

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122140018	Đặng Hữu Bằng	13/03/2003	CCQ2214A					
2	2122140044	Phạm Văn Đăng	16/03/2004	CCQ2214B					
3	2122140025	Lê Thanh Đông	22/11/2004	CCQ2214A		Đông	8,3	7,0	7,5
4	2122140052	Trần Đại Đồng	22/02/2004	CCQ2214B		Đồng	8,0	7,0	7,4
5	2122140066	Hà Trường Giang	20/07/2004	CCQ2214B		Giang	8,3	9,3	8,9
6	2122180005	Đoàn Tất Giáp	01/08/2004	CCQ2205C		Giáp	7,0	7,3	7,2
7	2122140056	Phạm Quý Hải	03/10/2004	CCQ2214B		Hải	6,0	8,3	7,4
8	2122140051	Đặng Công Hòa	14/03/2004	CCQ2214B		Hòa	7,8	6,8	7,2
9	2122140049	Nguyễn Xuân Hoàng	13/10/2004	CCQ2214B		Hoàng	8,5	9,0	8,8
10	2122110224	Nguyễn Quốc Hưng	09/12/2004	CCQ2214B		Hưng	6,3	7,0	6,7
11	2122140031	Lê Hùng Kháng	07/02/2004	CCQ2214A		Kháng	7,8	7,5	7,6
12	2122140004	Văn Công Lâm	16/09/2004	CCQ2214A		Lâm	6,5	6,8	6,7
13	2122050071	Nguyễn Công Lập	02/09/2004	CCQ2205C		Lập	8,5	8,3	8,4
14	2122140028	Võ Minh Lộc	20/05/2004	CCQ2214A		Lộc	8,8	9,0	8,9
15	2122140017	Phan Văn Lưu	19/07/2004	CCQ2214A					
16	2122140040	Trần Văn Quốc	01/02/2002	CCQ2214B		Quốc	5,0	0	2,0
17	2122050081	Trương Lê Ngọc Tiên	06/11/2003	CCQ2205C		Tiên	7,3	7,5	7,4
18	2122140003	Huỳnh Văn Trung	12/04/2004	CCQ2214A		Trung	6,5	5,3	5,8
19	2122140016	Lê Quốc Trung	17/02/2004	CCQ2214A		Trung	8,5	8,8	8,7
20	2122140005	Mai Xuân Vũ	02/11/2004	CCQ2214A		Vũ	7,9	8,8	8,4